

见莲社说到阮禅师因
作诗留于寺碑后

猫岭船行出海频
神符北向到西真
步程担石留莲社
去卖来居有坐痕
西市麀民尚记
群韩古刹邑尊亲
李朝诸处芳名在
灵气依然目似新

KIẾN LIÊN XÃ THUYẾT ĐÁO NGUYỄN THIÊN SƯ NHÂN TÁC THI LƯU VU TỰ BI HẬU

Miêu lĩnh thuyền hành xuất hải tần
Thần phù bắc hướng đảo Tây Chân
Bộ trình đảm thạch lưu Liên xã
Khứ mãi lai cư hữu tọa ngân
Tây Lạc thị chiến dân thượng ký
Quần Hàn cổ sát áp tôn thân
Lý triều chư xứ phượng danh tại
Linh khí y nhiên mục tự tần

Dịch nghĩa

Đến xã Kiến Liên, bàn đến chuyện Nguyễn Thiên Sư,
nhân làm bài thơ ghi lại phía sau chùa

CHUYỆN NGUYỄN THIÊN SƯ

Từ núi tai mèo đi thuyền ra biển
Từ đất thần phù nhằm hướng Bắc đến Tây Châu
Trên đường đi gánh đá rơi ở xã Liên
Chỗ ngồi bán hầy còn dấu vết
Nơi chợ Tây lạc dân cư còn nhớ chuyện
Tại chùa Quần Hàn dân thôn tôn kính như cha mẹ
Thời Lý tiếng thơm còn lại ở nơi nơi
Khí thiêng xem chừng vẫn như buổi ban đầu

Dịch thơ

CHUYỆN NGUYỄN THIÊN SƯ⁽¹⁾

Từ núi sắc dong thuyền ra biển
Cửa Thần Phù thẳng tiến Châu Tây
Trên đường gánh đá rơi đây
Chỗ xưa ngồi bán vết nay hầy còn
Chợ Tây lạc dân thôn nhớ chuyện
Chùa Quần Hàn lễ tiết như cha
Tiếng thơm Triều Lý muôn nhà
Khí thiêng chừng vẫn như là còn nguyên

Hoàng Giang Phú dịch

(1) Nguyễn Thiên Sư, tên là Nguyễn Minh Không quê ở Diêm Xá, Gia Viễn, Ninh Bình. Nguyễn Minh Không vốn là nhà sư, chuyên đi mở cảnh chùa chiến khắp nơi, ở nhiều tỉnh. Sau trở về Tống Xá (vòng Doanh) dạy dân nghề đúc đồng. Nay thôn Tống Xá xã Yên Lâm huyện Yên Định là nơi gốc tổ nghề đúc đồng của Việt Nam. Đền thờ ông tổ nghề Nguyễn Minh Không ở đây đã được Bộ Văn hóa - Thông tin công nhận di tích.

Tương truyền, sau ông về dựng cảnh chùa Keo, Thái Bình rồi viên tịch ở đấy. Thuở hàn vi, ông từng làm nghề câu cá, kéo dài từ các điểm núi Sóc, cửa Thần Phù, Tây Lạc, Quần Hàn... Ông thường quẩy một bên đá, một bên là cá cho cân rồi đi bán. Nay còn vết tích những viên đá, chỗ ngồi rải rác đó đây qua những điểm trên.

贞山寺

传言陈末白花娘
避难寻居至此方
江北小山皆叶绿
横南大恨目无疆
孤身虽以依禅境
侍佛常蒙远世场
四望高低存战垒
数声牛笛叹斜阳

TRINH SON TU

Truyền ngôn Trần mạt Bạch Hoa nương
Tị nạn tầm cư chí thử phương
Giang bắc tiểu sơn giai điệp lục
Hoành nam đại hận mục vô cương
Cố thân duy dĩ y thiên cảnh
Thị phật thường môn viên thế trường
Tứ vọng cao đề tồn chiến lũy
Xổ thanh ngư dịch thán tà dương

Dịch nghĩa

CHÙA TRINH SƠN

Tương truyền cuối đời Trần có nàng Bạch Hoa tìm đến
nơi này để lánh nạn.
Tại ngọn núi nhỏ, cây cối um tùm phía bắc sông
Hận lớn như núi giăng như điệp trùng dằng dặc bờ nam
Thân cô cút chỉ dựa vào cảnh Thiên
Nhờ Phật mong rằng xa nơi gió bụi ở cõi đời
Xa gần trông nơi nào cũng như thấy thấp cao thành lũy
Vài tiếng sáo của trẻ chăn trâu thoảng vọng dưới ánh tà dương

Dịch thơ

CHÙA TRINH TIẾT⁽¹⁾

Bạch Hoa nàng cuối triều Trần
Tìm về lánh nạn gửi thân chốn này
Bắc sông, núi lẻ ngàn cây
Núi giăng trùng hận ngút đầy bờ nam
Thân cô nương chốn thiên am
Những mong xa cách thế gian bụi trần
Nhấp nhò thành lũy xa gần
Mục đồng tiếng sáo thoảng ngân xế chiều

Hoàng Giang Phú dịch

(1) Chùa Trinh Tiết: nay thuộc xã Thanh Hải huyện Thanh Liêm, Hà Nam.
Truyện kể rằng năm Mậu Dần (1438), Hồ Quý Ly bắt ép vua Trần Thuận Tông phải đi tu và nhường ngôi cho thái tử Trần Ái lúc đó mới 3 tuổi. Trần Thị Bạch Hoa chị của Trần Ái lúc đó 17 tuổi được Hồ Nguyên Trừng thương tình cho người đem thuyền chở đi lánh nạn. Nguyên Bàng Cử bí mật hộ tống tới Kẽm Trống - Thanh Liêm, Hà Nam, thấy phong cảnh hữu tình, bà cho thuyền dừng lại chọn đất dựng chùa, dốc lòng thờ Phật, làm việc công đức cho dân.

万劫营

屈题人间万劫轮
水深山碧尚存云
控元功大光南史
去暴仁名冠北神
散骨地中标素愿
生祠天下固来频
化生显赫何能对
石记于斯积日群

VẠN KIẾP DOANH

Khuất chỉ nhân gian vạn kiếp luân
Thủy thâm sơn bích thượng tôn vân
Khống Nguyên công đại quang nam sử
Khử bạo nhân danh quán Bắc thần
Tán cốt địa trung tiêu tố nguyện
Sinh từ thiên hạ cố lai tần
Hóa sinh hiển hách hà nang đối
Thạch ký vu tư tích nhật quần

Dịch nghĩa

ĐỀN VẠN KIẾP

Bấm đốt ngón tay, người luân hồi vạn kiếp

Nước sâu, núi biếc vẫn còn mãi nơi đây
Chống quân Nguyên công to làm rạng rỡ sử nước Nam
Diệt tàn bạo tiếng nhân hơn cả các thần
Rải tro xương vào đất là ý muốn từ thuở ban đầu
Nơi sinh từ thiên hạ vẫn thường viếng thăm
Việc sống thác lầy lừng ai mà sánh được
Đá tạc ghi nơi đây ngày cứ một nhiều lên

Dịch thơ

ĐỀN VẠN KIẾP (1)

Người đời cứ luân hồi vạn kiếp
Vẫn non cao nước biếc trời đây
Chống Nguyên rạng chiến công này
So bề nhân đức xưa nay hơn nhiều
ý nguyện rải xương thiêu về đất
Dân viếng đền sâu uất lại qua
Lầy lừng sống thác vượt xa
Nơi đây bia tạc vẫn là nhiều lên

Hoàng Giang Phú dịch

(1) Đền thờ Vạn Kiếp thuộc Chí Linh, Hải Dương. Nơi có đền thờ Trần Quốc Tuấn - Vị tướng tài giỏi, anh hùng thời Trần chống quân Nguyên Mông. Theo di chúc của Người: Sau khi chết thì đốt xác, lấy tro bỏ vào trăm ống tre. Chôn rải rác khắp vườn An Lạc sau đền. Phòng khi giặc phương Bắc tràn sang, chúng khôì đào bới trả thù. Nay còn có lăng tưởng niệm ông ở thôn Báo Lộc - Mỹ Phúc, Nam Định. Cạnh nơi thờ thần mẫu Trần Quốc Tuấn.

福神祠

祠提感应自初年
信仰维心不改前
垦地当时尊始祖
曩淳从此志开先
村中思德皆趋拜
忌日祈安启棹船
饱暖老童今受惠
跟神征伐有遗编

PHÚC THẦN TỪ

Từ đề Cảm ứng tự sơ niên
Tín ngưỡng duy tâm bất cải tiên
Khẩn địa đương thời tôn thủy tổ
Nhuông thuận tông thứ chí khai tiên
Thôn trung tư đức giai xu bá
Kị nhật kỳ an khai trạo thuyền
Bão noãn lão đồng kim thu huệ
Căn thân chinh phạt hữu di biên

Dịch nghĩa

ĐỀN PHÚC THẦN (1)

Ngay từ ban đầu, đền có tên là Cảm ứng
Đến nay việc kính thờ vẫn không thay lệ cũ
Khẩn hoang thời ấy được dân tôn là khởi tổ của làng
Dựng nền nếp tốt đánh dấu thuở khai sinh
Dân thôn nhớ ân đức đều thành kính phụng thờ
Cứ đến ngày kị thì đua thuyền mở hội
Sự ấm no cho trẻ già đều do Thần mà có
Dân làng còn theo bước chân thần đi dẹp giặc, phá còn ghi

Dịch thơ

ĐỀN PHÚC THẦN (1)

Đền tên cảm ứng ban đầu
Kính thờ lệ cũ trước sau vẫn tròn
Thủy tổ dân làng suy tôn
Dựng nền thói tốt vẫn còn nếp xưa
Ân đức làng ngát hương đưa
Giỗ kỵ ngày hội thuyền đua dập dìu
Ôn thần dân ấm no đều
Theo thần dẹp giặc còn nêu sử vàng

Hoàng Giang Phú dịch

(1) Đền thờ Trần Khánh Dư một danh tướng tài ba trong chiến tranh chống giặc Nguyên - Mông được vua Trần Thánh Tông nhận làm "Thiên tử nghĩa nam"... Rồi lại được phong Phiêu kỵ đại tướng quân. Dẹp xong Nguyên - Mông lần thứ ba, Trần Khánh Dư có công lớn được Vua phong thái ấp ở vùng Nha Xá, ông dạy dân Nha Xá dệt lụa và đánh cá. Lụa Nha Xá từ xưa tới nay đều nổi tiếng cả nước và trên thị trường quốc tế. Từ thời ấy còn truyền tới nay câu phương ngôn: "Lụa Nha Xá - Cá Lánh Giang".

乾海庙

芳芹一庙海津边
阳后沉珠石尚镌
云贼难图抛水浪
南方移住适宜宣
陈黎过此皆灵显
花袞褒封广妙玄
四位梅江标上等
香烟顶带去来船

CÀN HẢI MIẾU

Phượng Càn nhất miếu hải tân biên
Dương hậu trâm châu thạch thượng thuyền
Nguyên tặc nan đồ phao thủy lãng
Nam phương di trú sự nghi tuyên
Trần Lê quá thử giai linh hiển
Hoa cổn bao phong quảng diệu huyền
Tứ vị Mai giang tiêu thượng đẳng
Hương yên đỉnh đối khứ lai thuyền

Dịch nghĩa

MIẾU CÀN HẢI

Ngôi miếu Phượng Cầu nằm bên bờ biển

Nơi Dương hậu trâm châu đá còn ghi
Việc đánh quân Nguyên không thành đã gieo mình vào
làn sóng dữ

Chốn trời Nam đời đến việc nên nêu rõ
Đời Trần - Lê qua đây đều nổi tiếng thiêng
Áo mũ, sắc phong việc nêu huyền diệu
Bến sông Mai cả bốn vị đều xứng vào hàng thượng đẳng
Thường thấy thuyền bè qua lại thành kính khổi nhang

Dịch thơ

MIẾU CÀN HẢI (1)

Bờ biển còn đây miếu Phượng Càn
Đá ghi Dương hậu chốn trâm châu
Thua Nguyên đem phận gieo sóng dữ
Đời đến trời Nam rọi muôn sau
Trần Lê qua lại đều ứng nghiệm
Áo mũ sắc phong vẫn nhiệm mầu
Sông Mai bốn vị ngôi thượng đẳng
Hương khói thuyền dâng bến sông sâu.

Dương Văn Vượng dịch

(1) Từ thuở Vua Trần đã dựng ngôi miếu bên bờ sông Mai xã Phượng Càn, huyện Quỳnh Lưu, Nghệ An. Miếu thờ bà Dương Hậu vợ vua cuối cùng Triều Tống là Tống Đế Bính (Trung Quốc) vị vua này quyết chống quân Nguyên, nhưng sau thất trận, ông liền nhảy xuống biển Nhai Sơn (Trung Quốc) tự vẫn. Bà Dương Hậu chạy sang Việt Nam lánh nạn, đến Cửa Càn Nương tựa trong nhà Chùa. Bị các sư gạ gẫm tình dục bà cự tuyệt rồi cùng con dâu và hai con gái nhảy xuống biển tử tự. Đến thời Lê - Nguyên đều có sắc phong và tạc bia ghi thần tích.

过状山裴公旧宅

一为先日一功住
辅国名标举世珍
身追去乡寻地避
芳家隐迹乐耕耘
不知今日居何处
目见前年宅在痕
岂似范公湖境玩
花吟月咏著忘贫

QUÁ TRẠNG SƠN BÙI CÔNG CỤ TRẠCH

Diệp vị tiên đế nhất công thân
Phụ quốc danh tiêu cử thể trần
Thân thoái khứ hương tâm địa tị
Mao gia ẩn tích lạc canh vân
Bất tri kim nhật cư hà xứ
Mục kiến tiên niên trạch tại ngân
Khởi tự Phạm công hồ cảnh ngoạn
Hoa ngâm nguyệt vịnh trước vong bản.

Dịch nghĩa:

QUA NƠI Ở CŨ CỦA BÙI TRẠNG SƠN

Cũng là một vị công thần của Tiên đế

Giúp nước nêu tên người đời kính trọng
Lui về từ già quê hương tìm nơi khác ở
Dụng lều tranh nấu mình vui với cây cây
Chẳng rõ ngày nay người ở nơi đâu
Chỉ thấy dấu xưa là nơi nhà cũ
Không giống ông Phạm tiêu dao cảnh sông hồ
Mà vui công việc, vịnh ngâm trăng gió quên cảnh nghèo.

Dịch thơ:

QUA NƠI Ở CŨ CỦA BÙI TRẠNG SƠN ⁽¹⁾

Có vị công thần thuở tiên triều
Phò vua, giúp nước được dân yêu
Già từ quê cũ tìm nơi ở
Vui ẩn cây cây chốn đìu hiu
Chẳng rõ giờ đây người chốn nẻo
Vết xưa, thêm cũ cảnh hoang liêu
Đâu phải Phạm Công⁽²⁾ sông hồ dạo
Ngâm vịnh mà vui quên cảnh nghèo.

Dương Văn Vượng dịch

(1) Ông tên Bùi Ngọc Oánh, người thôn Trạng Sơn, xã Hà Bắc, huyện Hòa Trung, tỉnh Thanh Hóa, theo vua Lê Lợi đánh giặc Minh. Minh ông đã từng vào sâu đất Trung Quốc để do thám địch tình.

Ông có công góp phần hạ thành Đông Quan là khám phá tình hình giặc báo ra cho đại quân Lê Lợi. Sau ông lấy người vợ Trung Quốc để có cơ hội do thám địch. Kết quả ông đã dẫn mấy vị tướng lĩnh đánh sâu vào đất Lương Quảng.

(2) Phạm Lãi du chơi ngũ hồ.

宗 状 元

古 闻 昔 日 本 家 贫
好 学 惟 图 报 父 恩
高 第 回 乡 行 拜 祖
正 临 分 决 泪 沾 巾
糟 糠 不 忍 从 斯 弃
荆 棘 无 辞 自 此 屯
无 国 十 年 完 使 事
辛 逢 积 善 善 能 寻

TỔNG TRẠNG NGUYÊN

Cổ văn tích Nhật bản gia bần
Hiếu học duy đồ báo phụ ân
Cao đệ hồi hương hành bái tổ
Chính lâm phân quyết lệ triêm cân
Tao khang bất nhân tòng tư khí
Kinh cức vô tì tữ truân
Ngô quốc thập niên hoàn sứ sự
Hạnh phùng tích thiện thiện năng tâm

Dịch nghĩa:

VỊ TRẠNG NGUYÊN HỌ TỔNG

Văn nghe rằng quan Trọng nhà rất nghèo
Phải chăm học để mong báo đền cha mẹ.
Lúc đỗ cao về nhà bái tổ
Cũng là lúc lệ rơi phải dứt áo ra đi
Dù không nở xa rời người vợ xưa tấm cám
Trên đường gian truân dám chối từ
Mười năm sang sứ đất Ngô cho tròn phận sự
Cũng may sao làm điều lành lại gặp điều lành.

Dịch thơ:

VỊ TRẠNG NGUYÊN HỌ TỔNG (1)

Vốn xưa quan Trọng nhà nghèo
Đền ơn cha mẹ quyết theo sách đèn
Vinh quy bái yết tổ tiên
Cũng là dứt áo lệ buồn ra đi
Vợ hiền xưa nở phân ly
Đành thôi phận sự quản gì gian nan
Ngô sứ mười năm bình an
Nghĩ lành làm tốt gặp toàn điều may.

Hoàng Giang Phú dịch

(1) Đền thờ Trọng Nguyên Tống Trân, nay thuộc xã Tống Trân, huyện Phù Cừ, tỉnh Hưng Yên.

多禾庙

楮童昔日已来临
後庙香花展敬忱
无无紫榕除酷暑
浑浑似梦亏心欽
喽罗私语消尘垢
贫薄诚求解祸侵
雄代至今灵气焰
自由悬镜告诸人

ĐA HÒA MIẾU

Chử đồng tích nhật dĩ lai lân
Hậu nhật hương hoa triển kính thân
Vũ vũ tử dung trừ khóc thử
Hồn hồn tự mộng quy tâm khâm
Lâu la tư ngữ tiêu trần cầu
Bản bạc thành cầu giả họa xâm
Hùng đại chí kim linh khí diệm
Tự do huyền kính cáo chư nhân.

Dịch nghĩa:

MIẾU ĐA HÒA

Ngày xưa Chử Đồng Tử đã đến nơi đây
Đời sau, người có đền thờ hương hoa kính lễ
Có cây đa tía um tùm để tránh nắng dữ
Người người thành kính lạy mong được báo mộng lành
Bọn trộm khấn bái xin từ nay hối cải
Người nghèo hèn mật đảo xin giải mọi họa tai
Từ thuở Vua Hùng tới nay khí thiêng vẫn còn như thế
Treo tấm gương bát quái để dạy người đời.

Dịch thơ:

MIẾU ĐA HÒA⁽¹⁾

Chử Đồng tử xưa, tới nơi đây
Đời sau thành kính chốn miếu này
Đa tía um tùm che nắng dữ
Người thành tâm nguyện giấc mơ hay
Trộm cướp khấn cầu xin từ thiện
Kẻ nghèo mật đảo giải tai bay
Đời Hùng linh ứng giờ vẫn nghiệm
Treo gương bát quái dạy đời nay.

Hoàng Giang Phú dịch

(1) Xã Đa Hòa, huyện Khoái Châu, Hưng Yên có đền thờ Chử Đồng Tử và Tiên Dung công chúa.

献南寺

宗人初寓此方时
北鸟南巢为避灾
向义马公前不耻
报仇张相古非乖
安居造寺求延福
乐业成乡少慰怀
商客地师皆有用
溯源粤族历传来

HIẾN NAM TỰ

Tổng nhân sơ ngụ thử phương trời
Bắc diều Nam sào vị tị tai
Hướng nghĩa Mã công tiền bất sỉ
Báo cừ Trương tướng cổ phi quai
An cư tạo tự cầu diên phúc
Lạc nghiệp thành hương thiếu ụy hoài
Thương khách địa sư giai hữu dụng
Tổ nguyên Việt tộc lịch truyền lai.

Dịch nghĩa:

CHÙA HIẾN NAM

Xưa kia có người nước Tống đến ngụ ở nơi đây

Chim phương Bắc, tổ phương Nam là để tránh con quốc biển
Còn theo việc nghĩa như ông họ Mã không xấu với
chuyện xưa

Để báo thù như vị tướng họ Trương làm không hề trái đạo.
Xong việc rồi thì dựng nên ngôi chùa cầu phúc
Ăn ở yên vui thành một làng cũng thấy yên lòng
Làm khách buôn, làm thầy địa lý đều là để nuôi thân
Xét về gốc rễ thì họ cũng là người dân Việt.

Dịch thơ:

CHÙA HIẾN NAM ⁽¹⁾

Người Tống năm xưa tới đất này
Tổ nam chim Bắc tránh tai bay
Mã công⁽²⁾ hiến nghĩa lòng khôn thật
Trương⁽³⁾ tướng đền thù mẹo khéo tay
Xong việc dựng chùa cầu phúc cả
Ngụ cư thành ấp cũng vui vầy
Bán buôn, xem đất vì sinh kế
Xét gốc đều trong tộc Việt đây.

Hoàng Giang Phú dịch

(1) Chùa thuộc thị xã Hưng Yên. nay hãy còn cây nhãn to Tương truyền đã trải qua mấy trăm năm. Chùa do người Trung Quốc tị nạn lập nên từ thời Trần. Trước kia trong chùa còn có tượng thờ các vị hậu thân là Tổ người dân Trung Quốc tới đây.

(2) Họ Mã: Tức Mã Liêu phù Khổng Minh để đánh đất Tào trả thù cho cha.

(3) Họ Trương: Chi Trương Lương ngầm giúp Lưu Bang để trả nợ nước.

昭文王日鵞

征蛮退虜北西方
天使昭文梦已彰
孝对母亲居庙邑
慈于贫困启隆乡
功成身退游风月
兴利勤农劝义良
四九祠门皆敬意
于斯第一有陵堂

CHIÊU VĂN VƯƠNG TRẦN NHẬT DUẬT

Chinh Man thoái lỗ bắc, tây phương
Thiên sử Chiêu Văn mộng dĩ chương
Hiếu đối mẫu thân Cư Miếu ấp
Từ Vu bản khốn khải long hương
Công thành thân thoái du phong nguyệt
Hưng lợi cần nông khuyến nghĩa lương
Tứ Cửu từ môn giải kính ý
Ưu tư đệ nhất hữu lăng đường

Dịch nghĩa:

CHIÊU VĂN VƯƠNG TRẦN NHẬT DUẬT

Đánh quân Man ở phía Tây, dẹp bọn cướp ở phía Bắc
Trời sai Chiêu Văn hạ giới đã có từ giấc mộng của mẹ ông.

Hiếu tâm với mẫu thuận ở thôn Miếu, lòng từ với cảnh nghèo trong việc khai hoang lập ấp Phúc Long.

Khi sự nghiệp đã thành thì lui gót đi thưởng ngoạn gió trăng. Vì người lấy điều lợi khuyên cấy cấy, dạy nghĩa khí, điều làm ăn ở cùng nhau.

Ba mươi sáu cửa đền đều do lòng thành kính của dân dựng nên. Nhưng chỉ có nơi đây là lăng miếu chính thống.

Dịch thơ:

CHIÊU VĂN VƯƠNG TRẦN NHẬT DUẬT⁽¹⁾

Mặt tây, phương Bắc vẫy vùng
Chiêu văn trong mộng trời từng ban ân
Miếu thôn đối với mẫu thân
Lòng từ xã Phúc⁽²⁾ bản dân trông chờ
Giặc tan bầu rượu túi thơ
Khuyến người tương trợ chăm lo cấy cấy
Tôn thờ đền miếu dựng xây
Ba mươi sáu chốn, chốn này chính tông⁽³⁾.

Dương Văn Vượng dịch

(1) Chiêu Văn Vương Trần Nhật Duật là con trai của Đệ ngũ cung phu Vũ Xuân Vượng của Trần Thái Tông. Trần Nhật Duật sinh ngày 10 tháng 3 năm Nhâm dần (1242) tại thôn Miếu xã Mạt Lăng huyện Tây Chân phủ Thiên Trường (Quê mẹ), mất ngày 15 tháng Chạp năm Giáp Dần (1314) thời vua Anh Tông, thọ 72 tuổi, mộ cũng để ở bên cạnh ngôi đền thờ hiện nay. Ông là người giỏi văn hiểu võ, trong cuộc chống Nguyên ông cũng lập được nhiều công lớn (theo thần tích đền).

Bài thơ này của Dương Bang Bản người xã An Cừ huyện Thanh Liêm viết trong tập thần phả Trần Nhật Duật ở thôn Miếu (phần cuối).

(2) Xã Phúc: Xã Phúc Long thuộc huyện Đại An, nay là thôn Phúc Chỉ xã Yên Thắng, huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định, nơi Trần Nhật Duật khai hoang lập ấp tu hành ở đó nay tại thôn Phúc Chỉ hãy còn đền chùa thờ ông.

(3) Câu đối đền thôn Vọng Doanh xã Trục nghĩa huyện Trục Ninh tỉnh Nam Định.

黎家虎葬墓

千里江湖到此乡
林中隐约碧垣墙
工鱼寻食茏山涧
虎葬风中北岭疆
後发吉祥生将帅
继为皇帝显神方
四观不见何高厚
三代犹传古说彰

LÊ GIA HỔ TÁNG MỘ

Thiên lý giang hồ đáo thử hương
Lâm trung ảm ước bích viên tường
Công ngư tầm thực Bông sơn giản
Hổ táng phong trung Bắc lĩnh Cương
Hậu phát Cát tường sinh tướng sủng
Kế vị Hoàng đế hiển thân phương
Tứ quan bất kiến hà cao hậu
Tam đại do truyền cổ thuyết chương.

Dịch nghĩa:

NGÔI MỘ HỔ TÁNG HỌ LÊ

Ngàn dặm sông hồ tới nơi đây
Từ trong rừng cây thấp thoáng ngôi nhà tường rêu phủ biếc
Đom cá kiếm ăn dưới khe nước núi Bông
Hổ vác xác táng trên non Bắc
Sau phát điêm lành sinh tướng soái
Lên ngôi Hoàng Đế lắm mưu tài
Nhưng coi lại bốn phương không thấy nơi nào cao dày
Mà chỉ được ba đời thôi, sách xưa đã chép.

Dịch thơ:

NGÔI MỘ HỔ TÁNG HỌ LÊ

Sông hồ ngàn dặm tới nơi đây
Thấp thoáng tường rêu dưới bóng cây
Khe nước núi Bông đi đò đò
Táng trên non Bắc, hổ đem thây
Điêm lành sinh cháu ra làm tướng
Ngôi Đế nhiều mưu việc khéo thay
Sách nói ba đời còn rõ rệt
Thì ra bốn mặt thiếu cao dày.

Dương Văn Vượng dịch

(1) Bài thơ nói về họ Lê của Vua Lê Hoàn có đền thờ ở xã Liêm Cẩn huyện Thanh Liêm, tỉnh Hà Nam. Gần khu đền này, có ngôi mộ tổ mà truyền thuyết cho là mộ ông nội Lê Hoàn bị hổ đánh chết rồi đem táng.

强暴大王

曾闻今始到灵祠
久仰冯公果有欵
山水札营扶帝统
贝罗济济劝耕锄
仁和丁代千方振
妒忌雷公盗父除
四月每逢初十日
香花齐会在于斯

CUỒNG BAO ĐẠI VƯƠNG

Tằng văn kim thủy đáo linh từ
Cửu ngưỡng Phùng công quả hữu dư?
Sơn Thủy trát doanh phù đế thống
Bối La tế cấp khuyến canh sừ
Nhân hòa Đinh đại thiên phương chấn
Đố kị Lôi công đạo phủ trừ
Tứ nguyệt mỗi phùng sơ thập nhật
Hương hoa tế hội tại ư tư.

Dịch nghĩa:

CUỒNG BAO ĐẠI VƯƠNG

Nghe tiếng ngài từ lâu mà nay mới tới được linh từ
Vậy Phùng công là ngài có thật hay sao?
Tùng đóng quân ở non nước phò nghiệp Đế
Ông giúp người nghèo khuyên việc nông tang ở đất Bối La
Lòng nhân đức vang khắp nơi thời vua Đinh thịnh trị
Cớ sao lôi công lại dùng búa đánh trộm
Nay mỗi khi đến ngày mồng mười tháng tư
Mọi người lại tụ hội, hương hoa kính lễ.

Dịch thơ:

CUỒNG BAO ĐẠI VƯƠNG (1)

Tùng nghe nay mới tới đền
Phùng công liệu có thật trên cõi đời?
Nước non nghiệp đế phù người
Bối La khuyên giúp dân vui cấy cấy
Nghìn phương nhân đức đẹp thay
Trộm đem búa giết ác này lôi công
Tháng tư mồng mười hàng năm
Dân về hương khói viếng thăm linh từ.

Hoàng Giang Phú dịch

(1) Cường Bao là tướng thời Đinh. Khi Đinh thất thế trở về quê giúp dân cấy cấy. Sau bị sét đánh chết.

拜阮公祠

兴 隆 十 二 已 登 科
历 任 高 官 甚 贵 奢
御 贼 仁 谋 诸 众 重
治 民 得 意 举 朝 歌
心 中 吐 出 皆 雄 气
乡 内 诚 求 种 义 芽
远 六 十 年 从 政 务
鸢 风 世 上 几 如 何

BÁI NGUYỄN CÔNG TỪ

Hung Long thập nhị dĩ đăng khoa
Lịch nhiệm cao quan chậm quý xa
Ngự tặc nhân mưu chư chúng trọng
Trị dân đức ý cử triều ca
Tâm trung thổ xuất giai hùng khí
Hương nội thành cầu chủng nghĩa nha
Cận lục thập niên tòng chính vụ
Diên phong thế thượng kỷ như hà.

Dịch nghĩa:

LỄ Ở ĐỀN THỜ ÔNG NGUYỄN

Năm Hung Long thứ 12 (1304) đã thi đỗ
Nhiều lần giữ chức quan cao rất là sang trọng
Khi chống giặc dùng mẹo lấy chữ nhân được mọi
người kính mến.
Với dân đem việc đức, cả triều ca ngợi.
Từ trong tâm nhủ ra nhiều lời lẽ anh hùng
Chốn quê hương thì cầu đảo cấy nên mầm nghĩa
Gần sáu mươi năm đi theo việc quan
Như điều gặp gió, trên đời mấy ai được thế.

Dịch thơ:

LỄ Ở ĐỀN ÔNG NGUYỄN⁽¹⁾

Hung Long thập nhị⁽²⁾ đã đăng khoa
Chức trọng quan sang nức tiếng xa
Chống giặc mưu ân đời kính trọng
Trị dân, đức thiện cả triều ca
Lòng nhân cất tiếng, lời hùng khí
Thôn dã cầu gieo hạt thái hòa
Trải ngót sáu mươi năm chính sự
Gió điều trời thế mấy như ta?

Hoàng Giang Phú dịch

(1) Ông Nguyễn: Tức Nguyễn Trung Ngạn (1289 – 1370) người xã Thổ Hoàng huyện Thiên Thi nay là xã Thổ Hoàng huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên làm quan thời Trần. Ông có tập thơ Thanh niên chí sự và Lao niên quy điền chí.

(2) Thập nhị: Mười hai (Hung Long thứ 12).

仙人峒

四边水绕早潮凉
初到山腰冷气强
如割施风风阵阵
始临峒里里苍苍
周还石乳真耶幻
续断箫声短又长
午过归身汗湿
若仙母食不回阳

TIÊN NHÂN ĐỘNG

Tư biên thủy nhiễu tảo tiên lương
Sơ đảo sơn Yêu lãnh khí Cường
Như cắt toàn phong, phong trận trận
Thủy lâm động lý lý thương thương
Chu hoàn thạch nữ chân gia ảo
Tục đoạn tiêu thanh đoản hựu trường
Ngộ quá ngưng quy thân hãn thấp
Nhược tiên mẫu thực bất hồi dương.

Dịch nghĩa:

ĐỘNG TIÊN NHÂN

Buổi sáng nước triều lên, tứ bề lạnh buốt
Mới leo tới sườn núi mà rét ghê người
Tùng đợt gió xoáy lạnh buốt
Trong hang lớp lớp rêu xanh phủ
Tiếng tiêu bồng trầm, ngắn dài dứt đoạn
Vòng vo nhũ đá cảnh hư hư thực thực
Quá trưa mồ hôi ướt đầm áo
Cảnh tiên đây rồi, cần gì ăn, không quay về nữa.

Dịch thơ:

ĐỘNG TIÊN NHÂN (1)

Triều lên sáng lạnh nước tứ bề
Mới tới sườn non rét rét ghê
Gió xoáy thổi liên từng trận buốt
Vào hang rêu biếc lối xanh kê
Tiếng tiêu dứt nổi khi dài ngắn
Nhũ đá vòng vo tỉnh ngộ mê
Quá ngộ mồ hôi đầm áo mặc
Không ăn, tiên thật khỏi quay về.

Hoàng Giang Phú dịch

(1) Động Tiên Nhân: Tức nay có tên là động Thiên Cung thuộc Hạ Long, Quảng Ninh vùng biển Đông Bắc Việt Nam.

南壁山

山横一壁镇南方
御贼犹存古垒张
茅屋数家惟粥采
风禽群聚置巢乡
贪残结党多移据
良善时行或受伤
每观馀骨在
又疑前路已无常

NAM BÍCH SƠN

Sơn hoành nhất bích trấn Nam phương
Ngự tặc do tồn cổ lũy trương
Mao ốc số gia duy chúc thái
Phi cầm quần tụ trí sào hương
Tham tàn kết đảng đa di cú
Lương thiện thời hành hoặc thụ thương
Điều nghiệt mỗi quan dư cốt tại
Hựu nghi tiền lộ dĩ vô thường.

Dịch nghĩa:

NÚI NAM BÍCH

Một giải Hoành sơn trấn giữ ở phía Nam
Bao lũy chống giặc vẫn trơ trơ trước mắt
Vài mái tranh nghèo chỉ thường rau cháo
Chim bay về làm tổ càng nhiều
Bọn tham tàn khá đông lúc ở nơi này lúc nơi khác
Người lành đi lại phần nhiều bị hại
Rải rác đó đây nắm xương tàn phơi
Thì lại ngỡ rằng bước đường đi tới có đây chuyện vô thường.

Dịch thơ:

NÚI NAM BÍCH ⁽¹⁾

Một giải Hoành sơn trấn ải Nam
Còn trơ đồn lũy chống quân sang
Mấy nhà mái cỏ thường rau cháo
Chim về kết tổ vui hội đàn
Tùng đảng gian tham nhiều chốn ẩn
Người qua lương thiện bỗng tai oan
Xương tàn rải rác phơi đây đó
Phía trước đường nghi chẳng vẹn toàn.

Hoàng Giang Phú dịch

(1) Núi Nam Bích thuộc giải Hoành Sơn, thời Lý, Trần, Lê nơi thường xảy ra cuộc tranh chấp giữa các triều đại với quân Chiêm thành. Cảnh hoang vu đầy bất trắc (cướp, trộm, giặc giã).

西湖

久闻仙境有西湖
宗帝南迁定此都
紫阁红楼夸壮丽
花衢柳陌焕基图
目前维见千年业
事过遥闻十世馀
盗贼英雄皆没迹
数行石字叹金乌

TÂY HỒ

Cửu văn tiên cảnh hữu Tây hồ
Tống đế Nam thiên định thủ đô
Tử các hồng lâu khoa tráng lệ
Hoa cù liễu mạch hoá cơ đồ
Mục tiền tuy kiến thiên niên nghiệp
Sự quá dao văn thập thế dư
Đạo tặc anh hùng giai một tích
Xổ hàng thạch tự thán kim ô!

Dịch nghĩa:

TÂY HỒ

Đã lâu ngưỡng cảnh Tây Hồ đẹp như ở cõi tiên
Nơi vua Tống dời về phương nam, định đô ở đây
Gác tía, lầu hồng khoe khoang sự tráng lệ
Đường hoa, dặm liễu thêm kang trang nề nếp
Trước mắt dù còn thấy cơ nghiệp ngàn năm
Nhưng sự việc trải qua đã hơn mười đời
Phường đạo tặc, đáng anh hùng đều vắng bóng rồi
Chỉ than thở coi những hàng chữ khắc trên đá dưới ánh
mặt trời

Dịch thơ:

TÂY HỒ (1)

Tây Hồ cảnh tựa cõi tiên
Phương nam vua Tống định miền lập đô
Lầu hồng gác tía rực phô
Đường hoa, dặm liễu cơ đồ vững thay
Ngàn năm sự nghiệp thấy đây
Mười đời hơn đã đổi thay mất rồi
Anh hùng, giặc cướp vắng thôi
Thở than bia đá dưới trời kinh xưa

Hoàng Giang Phú dịch

(1) Tây Hồ: thuộc Hàng Châu Trung Quốc, kinh đô của Triều Nam Tống.

岳武穆

岳将忠坚世罕寻
观光何见不伤心
英雄坠泪居牢死
事业难思付水沈
把卷亦惊千法变
问人至祷万方临
古书明镜公无用
秦桧诚然了怨恩

NHẠC VŨ MỤC

Nhạc tướng trung kiên thế hãn tìm
Quan quang hà kiến bất thương tâm
Anh hùng trụ lệ cư lao tử
Sự nghiệp nan tư phó thủy trầm
Bả quyền diệc kinh thiên pháp biến
Vấn nhân chí đảo vạn phương lâm
Cổ thư minh kính công vô dụng
Tân Cối thành nhiên liễu oán ân.

Dịch nghĩa:

NHẠC VŨ MỤC

Tướng họ Nhạc trung kiên đời hiếm thấy
Nhân có dịp coi bóng sáng ai thấy mà chẳng đau lòng
Vị anh hùng rơi lệ nằm chết ở trong tù
Sự nghiệp bỏ dở, phó vào dòng nước trôi đi
Quyển di thư mở ra, thật đáng kinh ngạc về bao nhiêu
phép lạ
Hỏi người cầu đảo thì biết được muôn nơi đổ về chiêm ngưỡng
Bao nhiêu tấm gương sáng người xưa sao không vận dụng
Để cho Tân Cối có bài học về sự oán ân.

Dịch thơ:

NHẠC VŨ MỤC (1)

Trung kiên Nhạc tướng hiếm tìm đâu
Thấy bóng anh minh (2) ai chẳng sầu
Anh hùng rơi lệ chết trong ngục
Sự nghiệp thôi đành nước trôi sâu
Di thư lần mở, ôi kinh ngạc
Hỏi thấy muôn phương về ngưỡng châu
Gương sáng ngàn năm sao chẳng vận
Oán ân Tân Cối rõ muôn sau.

Dương Văn Vượng dịch

(1) Nhạc Vũ Mục: Tức Nhạc Phi, nguyên soái chống Nguyên tướng giỏi của Trần Tống.

(2) Lời nói của bề dưới khi được biết công việc của bề trên. Đây chỉ việc đi sứ của Lê Tung.

赤壁

千里山水难知险
赤壁呼名问未谙
箭雨刀林无少死
刑伤火战亦多含
魏谋一统非全望
吴虑安邦路半贪
胜败顾观千载历
留于石上待人谈

XÍCH BÍCH

Thiên trùng sơn thủy nan tri hiểm
Xích bích hô danh vấn vị am
Tiễn vũ đao lâm vô thiếu tử
Hình thương hỏa chiến diệc đa hàm
Ngụy mưu nhất thống phi toàn vọng
Ngô lự an bang lộ bán tham
Thắng bại cố quan thiên tải lịch
Lưu vu chạch thượng đãi nhân đàm

Dịch nghĩa:

XÍCH BÍCH

Ngàn trùng non nước hiểm trở khó dò sao cho hết
Chẳng hay tên Xích Bích ai đặt hóa ra chưa được tường tận.
Dưới mưa tên bão đạn, rừng đao kiếm biết bao kẻ chết oan
Mặc tội hình, vướng hỏa công không ít người bỏ mạng
Nước Ngụy mưu đồ thu về một mối, không thỏa lòng
mong đợi
Người Ngô tham lam lo giữ yên đất nước cũng dứt cánh
giữa đường
Việc thắng bại, ngành đầu xem đã trải ngàn năm
Nay đến đây xin ghi vài lời trên đá, để người sau xem xét.

Dịch thơ:

XÍCH BÍCH ⁽¹⁾

Ngàn trùng sông núi hiểm sao đây
Xích bích nhưng chưa thỏa danh này
Bão kiếm, mưa tên vạn xác chết
Lửa binh, hình pháp mạng oan thay
Triều Ngô toan tính đành sa vận
Nước Ngụy mưu đồ tan nát thay
Thắng bại ngoảnh đầu ngàn kiếp trải
Đôi lời xin tạc đời sau hay.

Hoàng Giang Phú dịch

(1) Xích Bích: nơi diễn ra đại chiến của Ngụy – Ngô – Thục thời Tam quốc ở đất Trung Hoa, thuộc lưu vực sông Dương tử.

夜宿福州

北南万里敢争先
今日临居素愿佃
酒馆亦如南珥处
农家不异北沱边
远来住此人无解
远问依然客要延
民者维生非别路
官家始有鬼谋

ĐẠ TÚC PHÚC CHÂU

Bắc Nam vạn lý cảm tranh tiên
Kim nhật lâm cư tố nguyện điền
Tửu quán diệc như Nam nhị xứ
Nông gia bất dị Bắc Đà biên
Viễn lai trú thử nhân vô giải
Cận vấn y nhiên khách yếu điền
Dân giả duy sinh phi biệt lộ
Quan gia thủy hữu quỷ mưu thiên.

Dịch nghĩa:

NGHỈ ĐÊM Ở PHÚC CHÂU

Bắc Nam xa xôi vạn dặm đâu dám nghĩ tới thăm
Nhưng vẫn ước vọng đi, nay có dịp thỏa lòng
Tại quán rượu thì cũng như cảnh vật bên bờ sông Nhị ta
Nơi đồng áng thôn quê lại không khác vùng bắc sông Đà
Từ xa đến trú ở nơi này thổ dân chẳng hiểu nỗi niềm
Chỉ biết hỏi rằng ông khách cần ăn uống những chi
Người dân chỉ có một điều cùng lo sự sống
Không lắm quý kể vòng vo như cánh nhà quan.

Dịch thơ:

NGHỈ ĐÊM Ở PHÚC CHÂU (1)

Bắc Nam đâu dám, vạn trùng xa
Ước vọng nay lên thỏa chí ta
Quán rượu giống bên bờ dòng Nhị
Điền trang cũng tựa bắc sông Đà
Từ xa tới trọ dân ai hiểu
Đến hỏi khách cần uống chi a?
Tình người đậm ấm cùng nhau sống
Không vòng quý kể cảnh quan nha.

Hoàng Giang Phú dịch

(1) Phúc Châu: nay là thành phố Phúc Châu Trung Quốc, dân Phúc Châu sang ngụ cư ở Việt Nam khá nhiều.

过陶公故贯

应试之年近五旬
可嘉陶相志凌云
几番明使无人对
老岁边疆有法神
在政温良多快乐
救民弦管满乡邻
新倾新任新朝重
援笔诗题足至云

QUÁ ĐÀO CÔNG CỔ QUÁN

Ứng thí chi niên cận ngũ tuần
Khả gia Đào tướng chí lãng vân
Kỷ phiến Minh sứ vô nhân đối
Lão tuế biên cương hữu pháp thần
Tại chính ôn lương đa khoái lạc
Cứ dân huyền quán mãn hương lân
Tân khanh tân nhiệm tân triều trọng
Viện bút thi đề túc chí vân.

Dịch nghĩa:

TỚI QUÊ CŨ CỦA ÔNG ĐÀO

Năm đi thi thì tuổi đã gần ngũ tuần
Đáng khen vị tướng họ Đào chí khí vút tới trời xanh
Mấy phen đi sứ nhà Minh không ai so được
Đến già rồi còn có mẹo giỏi ở trấn biên cương
Cứ dân tại nơi quê quán vang lên tiếng sáo tiếng đàn ca ngợi.
Khi tại chức tính ôn hòa lòng luôn vui vẻ
Ông Tân Khanh mới nhận chức được tân triều trọng vọng
Nay mượn bút viết lời ghi việc tới đây.

Dịch thơ:

TỚI QUÊ CŨ ÔNG ĐÀO

Đi thi tuổi đã sắp năm mươi
Đào tướng khen thay chí vút trời
Mấy độ sang Minh ai sánh kịp
Tuổi cao, biên ải kế tuyệt vời
Làm quan ôn hậu lòng thanh thản
Dân sướng, sênh ca vàng khắp nơi
Quan mới, chức cao, Triều trọng vọng
Tới đây lưu bút lại muôn đời.

Dương Văn Vượng dịch

(1) Ông Đào: Tức Đào Công Soan (1376 - 1456) tên tự là Tân Khanh quê ở Thiện Phiến Tiên Lữ. Năm gần 50 tuổi đến yết kiến Lê Lợi tại dinh Bồ Đề thi trúng tuyển làm quan an phủ sứ. Năm 1429 đi sứ Minh, năm 1436 quan thẩm hình viện sự kiêm Lê bộ thượng thư sau đi sứ lần thứ hai, rồi quan nhập nội Đại hành khiến năm 1444 đi sứ Minh lần thứ ba, năm 1456 lên Thái Nguyên làm việc biên giới. Năm 78 tuổi mất, con ông là Đào Dung từng đi theo mộ quân giúp Lê Tung được người đương thời tôn kính.

寄陶容

我今担重难抛弃
义事当为登避艰
先祖有功真可惜
江山无意即含冤
林泉欲隐粮兵少
征战先开气力寒
尚处不宜夸羽爪
西风初发作商还

KÝ ĐÀO DUNG

Ngã kim đảm trọng nan phao khí
Nghĩa sự đương vi khởi tị gian
Tiền tổ hữu công chân khả tích
Giang sơn vô ý tức hàm oan
Lâm tuyền dục ẩn lương binh thiếu
Chinh chiến tiên khai khí lực hàn
Thượng cứ bất nghi khoa vũ thảo
Tây phong sơ phát tác thương hoàn.

Dịch nghĩa:

GỬ ĐÀO DUNG

Nghĩ mình gánh vác công việc nặng nề, khó trút cho ai
Việc nghĩa nên làm, nào dám kêu vất vả
Tưởng đến tiên đế có công khai thác mà để non nước vô
tình bị nổi mất oan thì tiếc lắm.
Nên chốn núi rừng ẩn nấp dù lương ít, đã có đánh dẹp
mở màn song khí lực yếu quá.
Còn anh hãy đóng yên đó chớ lộ lông cánh và nanh vuốt.
Đợi gió tây nổi lên tôi sẽ giả làm lá buồn đến đó.

Dịch thơ:

GỬ ĐÀO DUNG⁽¹⁾

Việc lớn biết trút cho ai
Ta vì nghĩa cả, chông gai xá gì
Tổ tiên dựng nước uy nghi
Không để sông núi biên thùy nhục nhờ
Rừng sâu ẩn nấu quân cơ
Trận đầu giao chiến ai ngờ yếu thay
Hãy dấu nanh vuốt chờ ngày
Gió tây thương lá tôi nay tới liền.

Hoàng Giang Phú dịch

(1) Đào Dung: Con trai của Đào Công Soạn (xem trên) vị Tiến sỹ thời Lê Cơ Nguyên chú: Đào Dung từng mộ quân lương giúp Lê Tung khá nhiều. Đây là thời kỳ Lê Tung cùng với Tôn thất nhà Lê ở Thanh Hoa, tổ chức quân sĩ chuẩn bị kéo về Thăng Long lật đổ Lê Uy Mục.

答黎嵩相公

东军自领恩无弃
昼夜防微敢说艰
每顾光阴常叹惜
维思山水不含冤
北门昔已粮稀少
南寨从来义气寒
三岁未曾夸羽爪
恭蒙主帅早当还

ĐÁP LÊ TUNG TUỞNG CÔNG

Đông quân tự lĩnh ân vô khí
Trú dạ phòng vi cảm thuyết gian
Mỗi cố quang âm thường thán tích
Duy tư sơn thủy bất hàm oan
Bắc môn tích dĩ lương hy thiếu
Nam trại tòng lời nghĩa khí hàn
Tam tuế vị tăng khoa vũ trảo
Cung mông chủ sủy tảo đương hoàn

Dịch nghĩa:

TRẢ LỜI TUỞNG CÔNG LÊ TUNG

Từ lúc ơn không nở bỏ, được dẫn cánh quân mặt đông.
Đêm ngày lo việc phòng thủ đầu dám kêu việc khó nhọc
mỗi khi nghĩ đến tuổi mình thì lại thở than.
Phải sao cho non nước không vương điều xấu do oan uổng.
Mặt cửa Bắc thì trước đây lương đã ít ỏi.
Tại trại Nam vốn mọi người hững hờ với điều làm nghĩa.
Ba năm qua tôi chưa từng để lộ lòng cánh nanh vuốt.
Mong sao chủ sủy sớm tới giám sát xem sao?

Dịch thơ:

TRẢ LỜI LÊ TUNG TUỞNG CÔNG⁽¹⁾

Được dẫn cánh quân mặt đông
Tri ân xin dốc một lòng lo toan
Tuổi trẻ nghĩ lại thở than
Mong non nước thoát môn vãn oan khiên
Cửa Bắc⁽²⁾, lương thảo chưa lên
Trại Nam, thiên hạ lãng quên việc đời
Ba năm giữ kín tâm hơi
Mong chủ soái sớm tới nơi ta bàn.

Hoàng Giang Phú dịch

(1) Thơ của Đào Dung trả lời (nguyên chú)

(2) Nói sự tích Khấu Chuẩn bên Trung Quốc.

夜至陶浪庄

北风弄笛征途上
夜至陶乡入旧家
父老同来上新饭
却疑故邑食秋禾

ĐẠ CHÍ ĐÀO LẠNG TRANG

Bắc phong lộng địch chinh đồ thượng
Đạ chí Đào hương nhập cựu gia
Phụ lão đồng lai thượng tân phạn
Khước ghi cố ấp thực thu hòa.

Dịch nghĩa:

ĐÊM TỐI TRANG ĐÀO LẠNG ⁽¹⁾

Gió may rít lên từng trận thổi vào mặt khách trên đường.
Đến đêm tối làng Đào vào nơi ở cũ
Các phụ lão cùng đến vui mừng dâng cơm mời
Lại ngỡ rằng đang ăn vụ thu ở chốn quê mình.

Dịch thơ:

ĐÊM TỐI TRANG ĐÀO LẠNG

Trên đường gió bắc rít lạnh sao
Đêm tối nhà xưa chốn làng Đào.
Phụ lão đến mừng, dâng cơm mới
Lòng tưởng quê nhà vụ thu nao.

Hoàng Giang Phú dịch

(1) Đào Lạng thuộc xã Nghĩa Thái huyện Nghĩa Hưng nơi ông khẩn đất, hiện còn bài vị thờ ông và em ông ở trong đền.

到二范公旧馆

人情何薄如新纸
贫少回家不可当
自责夜深常检点
未望新馆有乖张
南居誓与同居奉
北阙回朝仰阙方
数老中言谈往事
请将心绪问黄乡

ĐÁO NHỊ PHẠM CÔNG CỤ QUÁN

Nhân tình hà bạc như tân chỉ
Bần thiếu hồi gia bất khả đương
Tự trách dạ thâm thường kiểm điểm
Vị vọng tân quán hữu quai trương
Nam cư thê dĩ đồng cư phụng
Bắc khuyết hồi triều ngưỡng khuyết phương
Xổ lão trung ngôn đàm vãng sự
Thỉnh tương tâm tự vấn Hoàng hương.

Dịch nghĩa:

ĐẾN QUÊ CŨ CỦA HAI ÔNG HỌ PHẠM

Tình người sao lại mỏng mảnh như tờ giấy thế
Vì nghèo thiếu thì lúc vinh quy lo đầu ra mà dãi toạ mọi người.
Đêm khuya một mình thường tự trách bản thân đã rời về
Nam rồi đành ở yên với nơi ở mới.
Từ chấn Bắc khuyết lui châu vẫn tỏ lòng ngưỡng mộ.
Tối đây nghe vài già đem lời ngay thẳng bàn việc đã qua.
Mình cũng góp vài lời nói chuyện cùng với dân làng Hoàng

Dịch thơ:

ĐẾN QUÊ CŨ CỦA 2 ÔNG HỌ PHẠM⁽¹⁾

Tình người như giấy mỏng mỏng mong
Nghèo thiếu lo sao đẹp tiệc mừng
Đêm vắng một thân thường tự trách
Quên sao quê cũ buổi nên công⁽²⁾
Về Nam đành với quê người ở
Cửa Bắc⁽³⁾ lui châu vẫn ngóng trông
Nói thẳng vài già bàn việc cũ
Làng Hoàng⁽⁴⁾ xin góp chuyện lòng bông.

(1) Hai ông Phạm: Chỉ Phạm Đạo Phú và Phạm Đạo Bảo là người cùng học với Đương Bang Bốn.

(2) Nơi ở mới: Chỉ thôn Hưng Thịnh xã Hoàng Nam huyện Nghĩa Hưng, tỉnh Nam Định, nơi này hãy còn đền thờ hai ông và phần mộ.

(3) Bắc Khuyết: Chỉ Thăng Long nơi hoàng thành có vua Lê cư trú.

(4) Làng Hoàng: Tức Hoàng Xá, tên cũ thờ: Trần Lê sơ của làng Phạm Xá của xã Yên Nhân, huyện Ý Yên hiện nay.

咏假境

人造从来一戏场
千年不改有诗章
榕枝皆用根身大
格局常求福寿良
山水轩前陈美景
世间眼里悉观详
细推征战谁能息
亦似孩童废立方

VINH GIA CẢNH

Nhân tạo tòng lai nhất hý trường
Thiên niên bất cải hữu thi chương
Dung chi giai dụng căn thân đại
Cách cục thường câu phúc thọ lương
Sơn thủy hiên tiền trần mỹ cảnh
Thế gian nhân lý tất quan tường
Tế suy chinh chiến thù năng tức
Diệc tự hài đồng phế lập phương.

Dịch nghĩa:

VINH CẢNH GIẢ

Người ta bày đặt xưa nay là một trò đùa
Ngàn năm không đổi vẻ đã có thơ vịnh
Cây đa, cây Dành đều dùng loại có thân gốc to
Có kiểu cách ngũ phúc hay song thọ cầu sự tốt lành
Non nước bày ra trước hiên phô vẻ đẹp tươi
Của thế gian đều thấy rõ, đủ trong tâm mắt
Nghĩ kỹ ra thì đánh nhau, tranh giành không sao dứt được.
Có khác gì bọn trẻ con bày đặt ra rồi lại xóa sạch đi.

Dịch thơ:

VINH CẢNH GIẢ

Cảnh chơi bày đặt xưa nay
Ngàn năm vẫn thế, thơ hay vịnh rồi
Dành⁽¹⁾, đa gốc lớn nhành tươi
Song thọ, ngũ phúc cầu trời điềm may
Nước non phô trước hiên này
Thu vào trước mắt của đây thế gian.
Nghĩ ra, tranh cướp liên miên
Như trẻ bày đặt xong liền xóa đi.

Hoàng Giang Phú dịch

(1) Thơ của Triệu Xương quan đô hộ Việt Nam có câu: "Dung thành đại thu đa căn cán. Chi hữu lương tài giới họa tai" (Cây đa đại thụ có nhiều gốc rễ. Còn Dành là loại có tài lành trừ được nhiều tai họa lo âu).

求四季诗

春游芳草草如何
红紫无分正与邪
造化循环开泰运
骚翁到此笑啊啊

VỊNH TỨ QUÝ

Xuân du phương thảo, thảo như bà
Hồng tử vô phân chính dữ tà
Tạo hóa tuần hoàn khai thái vận
Tao ông đôi thử tiếu a a.

Dịch nghĩa:

VỊNH BỐN MÙA

(Mùa Xuân - Hạ - Thu - Đông)

MÙA XUÂN

Mùa xuân đi chơi, hoa cỏ thơm tho làm sao
Có màu đỏ, tím, hồng, khoe sắc, không phân kẻ dữ hay
người lành
Tạo hóa xoay vần lại kéo về hội thái.
Kiến cho tao khách cười vui thay.

Dịch thơ:

MÙA XUÂN

Du xuân hoa cỏ thơm sao
Muôn hồng ngàn tím ai nào gian ngay?
Tạo hóa vẫn chuyển vận may
Để cho tao khách ngất say tiếng cười.

Hoàng Giang Phú dịch

夏

夏赏绿荷趣有加
尽除酷暑应和
苍天常顾农桑客
解热消烦有药耶

Hạ thưởng lục hà thú hữu gia
Tận trừ khốc thử ứng hòa
Thương thiên thường cố nông tang khách
Giải nhiệt tiêu phiền hữu dược gia

Dịch nghĩa:

MÙA HẠ

Mùa hè thưởng sen màu lục thật thú vị
Rũ hết sự nóng nực mà chỉ thấy điều ấm áp
Ông xanh luôn luôn đoái hoài đến cảnh nhà nông
Khi muốn dùng làm thuốc giải nhiệt trừ phiền cũng dễ kiếm.

Dịch thơ:

MÙA HẠ

Hè về thưởng ngát sen tươi
Xua tan oi nực một trời mát trong
Ông xanh thương cảnh nhà nông
Thuốc Sen tiêu nhiệt giải lòng phiền ưu.

Hoàng Giang Phú dịch

秋

秋天唤酒有黄花
酌彼金杯对素娥
携到亭中陈约愿
想如刘阮入仙家

Thu thiên hoán tửu hữu hoàng hoa
Chước bỉ Kim bôi đối Tố nga
Thôi đảo đình trung trần ước nguyệt
Tưởng như Lưu Nguyễn nhập tiên gia.

Dịch nghĩa:

MÙA THU

Mùa thu dùng rượu đã có hoa cúc vàng
Rót ra chén vàng trước cô gái đẹp
Dắt tay nhau đến sân đình tỏ lời nguyện ước
Tưởng chừng giống hai chàng Lưu Nguyễn vào cõi tiên vậy.

Dịch thơ:

MÙA THU

Rượu ngon, hoa cúc, thu sang
Rót ra chén ngọc trước nàng tươi xinh
Dắt nhau nguyện trước sân đình
Tưởng chừng Lưu Nguyễn lên trình cõi tiên

Hoàng Giang Phú dịch

冬

冬吟白雪好诗歌
被盖寻思至草窝
父子围炉何乐趣
梅香窗外唤莺啼

MÙA ĐÔNG

Đông ngâm “Bạch Tuyết” hảo thi ca
Bị cái tầm tư chí thảo ca
Phụ tử vi lô hà lạc thú
Mai trương song ngoại hoán Oanh đề.

Dịch nghĩa:

MÙA ĐÔNG

Mùa đông ngâm thơ “Bạch Tuyết” lại dậy tứ thơ
Trùm chăn trên mình tìm tòi vẫn điệu đến tận nơi lều cỏ
Cảnh cha con vây quanh lò lửa sao mà vui thế.
Ngoài song cửa hương hoa mai đang gọi chim Oanh ríu rít.

Dịch thơ:

MÙA ĐÔNG

Đông ngâm “Bạch Tuyết” tứ thơ
Trùm chăn tìm vận xa mờ lều tranh
Lò lửa cha con vây quanh
Ngoài song mai nở chim Oanh gọi đàn.

Hoàng Giang Phú dịch

LỜI BẠT

Tài năng đức độ của Lê Tung chẳng những nhà sử học đương thời đánh giá cao mà những nhà học giả đời sau xem ông là một nhà sử học tiêu biểu xuất sắc là một danh nhân văn hóa của đất nước.

Đã từ bao lâu có nhiều nhà, nhà nghiên cứu đã chủ trương và bỏ công sức đi tìm tư liệu để viết về cuộc đời sự nghiệp của ông. Xong quả là một việc rất khó làm. Bởi ngoài cuốn “Việt giám thông khảo tổng luận” Ông chỉ thoáng ẩn hiện mỗi chỗ dăm ba dòng trong các Bộ sử lớn thời xưa.

Với tấm lòng thành kính ngưỡng mộ ông, không có con đường nào khác là lòng quyết tâm, kiên trì mà lần theo bước chân ông đi từ quê nhà tới khắp mọi miền đất nước ta thuở ấy, thì thấy rằng sự từng trải và cống hiến tài đức của ông với đất nước thật quả là nhiều ý nghĩa lớn lao.

Được giao nhận đề tài viết về cuộc đời sự nghiệp Lê Tung, tôi đã tiến hành nghiêm túc các bước:

1- Sưu tầm tài liệu trên 10 tỉnh thành qua các văn bản, như: Thần Phả, Gia Phả, Văn bia, truyện ký, thơ văn do ông viết. Và, qua những câu truyện dân gian kể về ông.

2- Tìm đọc các tài liệu văn bản trong bảo tàng các tỉnh Thư viện quốc gia, Thư viện Viện Sử học, Thư viện Viện Hán Nôm... Ghi chép và đối chiếu những tư liệu đã có. Sau đó có sàng lọc và tuyển chọn.

3- Nghiên cứu Biên soạn, Biên dịch

4- Xếp đặt trình tự một cách khoa học. Trung thành với Đề cương.

Trong quá trình khảo sát, sưu tầm, nghiên cứu, biên soạn, tôi được sự giúp đỡ tận tình của các nhà khoa học, những giáo sư, tiến sỹ những vị lãnh đạo chuyên môn của Hội đồng khoa học tỉnh Hà Nam, của Viện Sử học, Viện Hán Nôm.

Sau khi tiếp thu ý kiến của hội thảo khoa học và các văn bản thẩm định, tôi đã sửa chữa bổ sung. Đến nay công trình được hoàn tất.

Xong, với khả năng có hạn ở mặt này mặt khác nên không thể tránh khỏi những khiếm khuyết. Rất mong các vị học giả và toàn thể bạn đọc lượng thứ.

Hà Nam, ngày 18 tháng 11 năm 2003

Hoàng Giang Phú

LỜI CẢM ƠN

Để tạo điều kiện hoàn tất công trình nghiên cứu danh nhân văn hóa – nhà sử học Lê Tung, thế kỷ XV ở tỉnh Hà Nam, tôi được các vị giáo sư, các nhà khoa học, nhà nghiên cứu, nhà văn đã cung cấp tư liệu và phương pháp nghiên cứu biên soạn một cách tận tình.

Tôi xin chân thành cảm ơn!

- Giáo sư sử học **Trần Quốc Vương** – Trường Đại học Quốc gia Hà Nội.
- Tiến sĩ sử học **Đình Công Vĩ** – Viện Hán Nôm.
- Thạc sĩ **Nguyễn Hữu Tâm** – Trưởng phòng tư liệu Viện sử học
- Ông **Dương Văn Vượng** – Cán bộ nghiên cứu Hán Nôm Bảo tàng Nam Định.
- Ông **Lương Hiền** - Đại tá Hội viên nhà văn Việt Nam
- Nghệ sĩ ưu tú – **Lê Huệ** – Nguyên chủ tịch Hội Văn học Nghệ thuật Hà Nam.
- Cử nhân văn khoa **Trần Quốc Hùng** – Giám đốc Sở Văn hóa Hà Nam
- Cử nhân sử học **Mai Khánh** – Giám đốc bảo tàng Hà Nam
- Cử nhân văn khoa **Nguyễn Trung Hiến** – Sở Khoa học công nghệ môi trường Hà Nam.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Ngô Sĩ Liên và các Sử thần triều Lê (*Đại Việt sử ký toàn thư*) 4 tập NXB.KHXH 1967 – 1968
- Phan Huy Chú (*Lịch triều hiến loại chí*) 4 tập NXB – Sử học
- Ngô Thì Sĩ (*Đại Việt Sử Ký Tiền Biên*) NXB.Sử Học 1962
- Lê Quý Đôn (*Kiến văn tiểu lục*) NXB. Sử học 1963
- Lê Quý Đôn (*Đại Việt Thông Sử*) NXB. KHXH 1978
- Đặng Xuân Bảng (*Việt Sử Cương mục tiết yếu*) NXB. KHXH 1999
- Nguyễn Quang Lộc (*Văn Miếu Quốc Tử Giám*) NXB. KHXH 2000
- Đỗ Văn Ninh (*Quốc Tử Giám Tài Trí Việt Nam*) NXB. Thanh niên
- Ngô Đức Thọ (*Văn Miếu Quốc Tử Giám và 82 bia tiến sỹ*) NXB. KHXH 2000
- Đặng Khoa Lục Triều Nguyễn bản chép tay ở làng Cháy quê Lê Tung
- Và một số tư liệu bằng văn bản ở các tỉnh: Thanh Hóa, Ninh Bình, Nam Định, Hà Nam, Hà Nội, Bắc Ninh, Thái Bình...

MỤC LỤC

Thay lời giới thiệu	5
Nhà sử học Lê Tung	9
Những hạn chế lịch sử	40
Việt giám thông khảo tổng luận	42
Văn bia, thần phả, truyện ký, truyện dân gian	65
Tập thơ chữ Hán “Giang hồ chí sự”	121
Lời bạt	226
Lời cảm ơn	228
Tài liệu tham khảo	229

NHÀ XUẤT BẢN THẾ GIỚI

46 Trần Hưng Đạo - Hà Nội

Tel: (04) 8253841 - Fax: (04) 8269578

E-mail: thegioi@hn.vnn.vn

LÊ TUNG

Chịu trách nhiệm xuất bản

TRẦN ĐOÀN LÂM

Biên tập : Nguyễn Trung Quốc
Vẽ bìa : Ngô Xuân Khôi
Trình bày : Hoàng Minh Thanh
Sửa bản in : Nguyễn Trung Quốc